

第一

CÔNG TY TNHH HÓA NHỰA ĐỆ NHẤT
THE FIRST CHEMICAL PLASTIC CO., Ltd.



Văn Phòng TP.HCM : 214 - 216 Trần Văn Giàu, P. Bình Trị Đông B,
Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

- ĐT : 028.62915599 - 62915596
- FAX : 028.62915597 - 62915598

NHÀ MÁY LONG AN : Ấp 5, Xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa
Tỉnh Long An

- ĐT : 028.38772042 - 0272.3779399
- FAX : 0272.3779160

NHÀ MÁY HẢI DƯƠNG: KCN Nam Sách, Phường Ái Quốc, TP. Hải Dương
Tỉnh Hải Dương

- ĐT : 0220.3751607-292
- FAX : 0220.3751177



BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA HDPE - PE100

ÁP DỤNG CHO KHU VỰC MIỀN NAM - TỪ QUẢNG BÌNH - có hiệu lực TỪ NGÀY 01-07-2023

Ống HDPE sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 4427:2007

ST T	Sản phẩm		Đơn giá (đồng/mét)		PN (bar)	ST T	Sản phẩm		Đơn giá (đồng/mét)		PN (bar)	
	Tên	Quy cách	Trước VAT	Thanh toán			Tên	Quy cách	Trước VAT	Thanh toán		
1	Ø 20	20 x 1.8mm	7,400	7,992	12.5	9	Ø 110	110 x 4.2mm	100,100	108,108	6	
		20 x 2.0mm	8,100	8,748	16			110 x 5.3mm	125,000	135,000	8	
		20 x 2.3mm	9,400	10,152	20			110 x 6.6mm	152,800	165,024	10	
2	Ø 25	25 x 2.0mm	10,200	11,016	12.5			110 x 8.1mm	184,800	199,584	12.5	
		25 x 2.3mm	12,000	12,960	16			110 x 10.0mm	222,400	240,192	16	
		25 x 3.0mm	14,900	16,092	20			110 x 12.3mm	268,400	289,872	20	
3	Ø 32	32 x 2.0mm	13,600	14,688	10		10	Ø 125	125 x 4.8mm	129,200	139,536	6
		32 x 2.4mm	16,800	18,144	12.5				125 x 6.0mm	159,800	172,584	8
		32 x 3.0mm	19,600	21,168	16				125 x 7.4mm	194,900	210,492	10
		32 x 3.6mm	23,000	24,840	20				125 x 9.2mm	238,100	257,148	12.5
4	Ø 40	40 x 2.0mm	17,200	18,576	8			125 x 11.4mm	288,400	311,472	16	
		40 x 2.4mm	20,800	22,464	10			125 x 14.0mm	338,200	365,256	20	
		40 x 3.0mm	25,200	27,216	12.5	11		Ø 140	140 x 5.4mm	162,800	175,824	6
		40 x 3.7mm	30,300	32,724	16				140 x 6.7mm	200,000	216,000	8
		40 x 4.5mm	35,900	38,772	20		140 x 8.3mm		244,700	264,276	10	
5	Ø 50	50 x 2.4mm	26,700	28,836	8		140 x 10.3mm		298,200	322,056	12.5	
		50 x 3.0mm	32,100	34,668	10		140 x 12.7mm		359,400	388,152	16	
		50 x 3.7mm	38,600	41,688	12.5	140 x 15.7mm	435,500	470,340	20			
6	Ø 63	50 x 4.6mm	46,800	50,544	16	12	Ø 160	160 x 6.2mm	214,000	231,120	6	
		50 x 5.6mm	55,600	60,048	20			160 x 7.7mm	262,200	283,176	8	
		63 x 3.0mm	41,700	45,036	8			160 x 9.5mm	319,400	344,952	10	
		63 x 3.8mm	51,200	55,296	10			160 x 11.8mm	389,200	420,336	12.5	
		63 x 4.7mm	61,500	66,420	12.5			160 x 14.6mm	471,800	509,544	16	
		63 x 5.8mm	74,200	80,136	16			160 x 17.9mm	567,600	613,008	20	
7	Ø 75	63 x 7.1mm	88,700	95,796	20	13	Ø 180	180 x 6.9mm	267,100	288,468	6	
		75 x 3.6mm	59,200	63,936	8			180 x 8.6mm	329,600	355,968	8	
		75 x 4.5mm	71,400	77,112	10			180 x 10.7mm	404,000	436,320	10	
		75 x 5.6mm	87,200	94,176	12.5			180 x 13.3mm	494,000	533,520	12.5	
		75 x 6.8mm	103,500	111,780	16			180 x 16.4mm	596,300	644,004	16	
		75 x 8.4mm	124,700	134,676	20			14	Ø 200	200 x 7.7mm	331,000	357,480
8	Ø 90	90 x 4.3mm	83,300	89,964	8	200 x 9.6mm	408,300			440,964	8	
		90 x 5.4mm	102,800	111,024	10	200 x 11.9mm	498,400			538,272	10	
		90 x 6.7mm	124,700	134,676	12.5	200 x 14.7mm	605,900			654,372	12.5	
		90 x 8.2mm	149,900	161,892	16	200 x 18.2mm	735,400			794,232	16	
		90 x 10.1mm	179,800	194,184	20	200 x 22.4mm	880,000			950,400	20	

Ống HDPE sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 4427:2007

ST T	Sản phẩm		Đơn giá (đồng/mét)		PN	ST T	Sản phẩm		Đơn giá (đồng/mét)		PN
	Tên	Quy cách	Trước VAT	Thanh toán			Tên	Quy cách	Trước VAT	Thanh toán	
15	Ø 225	225 x 8.6mm	415,400	448,632	6	22	Ø 500	500 x 19.1mm	2,119,600	2,289,168	6
		225 x 10.8mm	516,000	557,280	8			500 x 23.9mm	2,617,600	2,827,008	8
		225 x 13.4mm	628,800	679,104	10			500 x 29.7mm	3,210,600	3,467,448	10
		225 x 16.6mm	769,400	830,952	12.5			500 x 36.8mm	3,912,600	4,225,608	12.5
		225 x 20.5mm	930,800	1,005,264	16			500 x 45.4mm	4,732,600	5,111,208	16
16	Ø 250	250 x 9.6mm	524,700	566,676	6	23	Ø 560	560 x 21.4mm	2,815,800	3,041,064	6
		250 x 11.9mm	631,500	682,020	8			560 x 26.7mm	3,478,500	3,756,780	8
		250 x 14.8mm	774,800	836,784	10			560 x 33.2mm	4,270,500	4,612,140	10
		250 x 18.4mm	947,700	1,023,516	12.5			560 x 41.2mm	5,212,100	5,629,068	12.5
		250 x 22.7mm	1,144,800	1,236,384	16			560 x 50.8mm	6,295,100	6,798,708	16
17	Ø 280	280 x 10.7mm	643,000	694,440	6	24	Ø 630	630 x 24.1mm	3,562,400	3,847,392	6
		280 x 13.4mm	797,100	860,868	8			630 x 30.0mm	4,394,200	4,745,736	8
		280 x 16.6mm	968,200	1,045,656	10			630 x 37.4mm	5,408,900	5,841,612	10
		280 x 20.6mm	1,187,600	1,282,608	12.5			630 x 46.3mm	6,587,900	7,114,932	12.5
		280 x 25.4mm	1,435,200	1,550,016	16			630 x 57.2mm	7,986,000	8,624,880	16
18	Ø 315	315 x 12.1mm	816,900	882,252	6	25	Ø 710	710 x 27.2mm	4,360,100	4,708,908	6
		315 x 15.0mm	1,001,700	1,081,836	8			710 x 33.9mm	5,369,500	5,799,060	8
		315 x 18.7mm	1,232,600	1,331,208	10			710 x 42.1mm	6,586,500	7,113,420	10
		315 x 23.2mm	1,505,100	1,625,508	12.5			710 x 52.2mm	8,032,200	8,674,776	12.5
		315 x 28.6mm	1,816,700	1,962,036	16						
19	Ø 355	355 x 13.6mm	1,035,000	1,117,800	6	26	Ø 800	800 x 30.6mm	5,522,100	5,963,868	6
		355 x 16.9mm	1,271,800	1,373,544	8			800 x 38.1mm	6,805,900	7,350,372	8
		355 x 21.1mm	1,568,600	1,694,088	10			800 x 47.4mm	8,351,900	9,020,052	10
		355 x 26.1mm	1,908,000	2,060,640	12.5			800 x 58.8mm	10,200,800	11,016,864	12.5
		355 x 32.2mm	2,306,100	2,490,588	16	27	Ø 900	900 x 34.4mm	6,984,200	7,542,936	6
				900 x 42.9mm	8,611,500			9,300,420	8		
20	Ø 400	400 x 15.3mm	1,313,600	1,418,688	6	28	Ø 1000	1000 x 38.2mm	8,618,000	9,307,440	6
		400 x 19.1mm	1,621,700	1,751,436	8			1000 x 47.7mm	10,639,300	11,490,444	8
		400 x 23.7mm	1,982,600	2,141,208	10			1000 x 59.3mm	13,057,200	14,101,776	10
		400 x 29.4mm	2,419,800	2,613,384	12.5	29	Ø 1200				
		400 x 36.3mm	2,927,900	3,162,132	16			1200 x 45.9mm	12,412,400	13,405,392	6
21	Ø 450	450 x 17.2mm	1,661,300	1,794,204	6			1200 x 57.2mm	15,313,400	16,538,472	8
		450 x 21.5mm	2,050,800	2,214,864	8			1200 x 67.9mm	17,985,900	19,424,772	10
		450 x 26.7mm	2,511,900	2,712,852	10						
		450 x 33.1mm	3,065,200	3,310,416	12.5						
		450 x 40.9mm	3,707,700	4,004,316	16						



Ghi chú: - Nếu Quý Khách hàng có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ phòng kinh doanh chúng tôi